

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Văn bản số 5282/VPCP-KTN ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về việc cấp phép trong thời gian chờ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước năm 2012;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH mỏ NiKel Bản Phúc và Hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH mỏ NiKel Bản Phúc (có địa chỉ tại xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La) xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung và điều kiện sau đây:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Khoa (nhánh cấp 1 của sông Đà).

2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000) như Bảng 1.

Bảng 1:

STT	Vị trí xả thải	Tọa độ	
		X	Y
1	Cửa xả số 1: nước thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt xả ra suối Khoa.	2345500	481865
2	Cửa xả số 2: nước thải từ đập thải đuôi quặng (đập tràn) xả ra suối Dăm, rồi dẫn ra suối Khoa.	23444528	482651

3	Cửa xả số 3: nước thải từ đập ngăn nước khu vực nhà máy tuyển (đập tràn) xả ra suối Phúc, rồi dẫn ra suối Khoa.	2344257	481045
---	---	---------	--------

3. Phương thức xả nước thải:

- Cửa xả số 1: xả ra suối Khoa theo phương thức tự chảy.
- Cửa xả số 2 và số 3: xả qua hệ thống đập tràn vào suối Đăm và suối Phúc sau đó tự chảy ra suối Khoa.

4. Chế độ xả nước thải:

- Cửa xả số 1: 24 giờ/ngày đêm; thời gian xả liên tục trong năm.
- Cửa xả số 2: dự phòng, chỉ xả vào mùa mưa (với trận mưa lớn nhất).
- Cửa xả số 3: 24 giờ/ngày đêm; thời gian xả liên tục trong năm.

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 22.400 m³/ngày đêm, cụ thể như Bảng 2.

Bảng 2:

STT	Vị trí xả thải	Lưu lượng xả tối đa (m ³ /ngày đêm)
1	Cửa xả số 1	100
2	Cửa xả số 2	18.800
3	Cửa xả số 3	3.500

6. Thông số và giới hạn nồng độ tối đa chất ô nhiễm được phép xả thải:

- Tại cửa xả số 1: Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (hệ số K=1,2).

- Tại cửa xả số 2 và số 3: Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (hệ số K_q=0,9; K_f=0,9), cụ thể như Bảng 3.

Bảng 3:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT cột B, hệ số K _q =0,9; K _f =0,9)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5 – 9
3	Độ màu	Pt- Co	150
4	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	121,5
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	40,5
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	81
7	Tổng Nitơ	mg/l	32,4
8	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	8,1
9	Tổng Phenol	mg/l	0,405
10	Sắt (Fe)	mg/l	4,05
11	Chì (Pb)	mg/l	0,405

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT cột B, hệ số $K_d=0,9$; $K_f=0,9$)
12	Crôm III (Cr^{3+})	mg/l	0,81
13	Crôm VI (Cr^{6+})	mg/l	0,081
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,62
15	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0081
16	Asen (As)	mg/l	0,081
17	Niken (Ni)	mg/l	0,405
18	Kẽm (Zn)	mg/l	2,43
19	Sunfua (S^{2-})	mg/l	0,405
20	Florua (F^-)	mg/l	8,1
21	Mangan (Mn)	mg/l	0,81
22	Xianua (CN^-)	mg/l	0,081
23	Cadimi (Cd)	mg/l	0,081
24	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	8,1
25	Coliform	MPN/100ml	5000
26	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
27	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

7. Thời hạn của giấy phép: 10 năm (mười năm).

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước năm 2012 và các yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Vị trí quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải: ba (03) điểm tại vị trí cửa xả (tọa độ như Bảng 1).

- Vị trí quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận: 04 điểm, cụ thể:

+ Một (01) điểm trên suối Dăm ngoài khu vực khai thác của Công ty (khoảng 50m) về phía thượng nguồn.

+ Một (01) điểm trên suối Phúc ngoài khu vực khai thác của Công ty (khoảng 50m) về phía thượng nguồn.

+ Một (01) điểm trên suối Khoa về phía hạ lưu (dưới vị trí cửa xả số 1 khoảng 30m).

+ Một (01) điểm trên suối Khoa trước nhập lưu với sông Đà khoảng 100m.

- Thông số quan trắc:
- + Lưu lượng nước thải tại các vị trí quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.
- + Chất lượng nước thải: các thông số quy định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này.
- + Chất lượng nước nguồn tiếp nhận: Các thông số quan trắc như quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT.
- Tần suất quan trắc:
- + Nước thải: 01 tháng/lần.
- + Nước nguồn tiếp nhận: 03 tháng/lần (giữa mùa khô và giữa mùa mưa).

b) Thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình vận hành nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

c) Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

đ) Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La về tình hình sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc được hưởng các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Ba (03) tháng trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Sơn La;
- Thanh tra Bộ;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Tổng Cục môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Sơn La;
- Công ty TNHH mỏ Nikel Bản Phúc (02);
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép (02), TNN

(Chữ ký)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Thái Lai